

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T,
TỈNH ANGIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 3 – 2021

“V/v ly hôn giữa
chị H và anh L”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim P

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn T

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Th

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn H1 – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Kim H , sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu: Số 609, tổ 11, ấp Mỹ Hóa 2, xã T H , huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện tại: Số 175, tổ 03, ấp Thượng 3, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn L , sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 609, tổ 11, ấp Mỹ Hóa 2, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 27/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 2000 chị và anh Nguyễn Văn L tìm hiểu về tình cảm và tự nguyện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Qua trình chung sống không hạnh phúc do anh L uống rượu, không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị và anh L ly thân tháng 10/2020 đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L .

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Sơn, sinh ngày 01/02/2001, cháu Sơn đã thành niên, đang làm công nhân trong công ty, có thu nhập tự nuôi sống bản thân, chị không yêu cầu giải quyết. Tại bản tự khai ngày 19/12/2020 cháu Sơn trình bày đang ở cùng chị H làm công nhân trong công ty để nuôi mẹ.

- Về chia tài sản và nợ chung: chị H khai không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Kim H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L , nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn L ; nuôi con chung, cháu Nguyễn Ngọc Sơn, sinh năm 2001 đã thành niên sống tự lập, chị H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét; về chia tài sản và nợ chung không có; về án phí, chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L , Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều

227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh L.

[2] Về nội dung:

[3] Năm 2000 chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn L sống chung như vợ chồng, nhưng không đăng lý kết hôn theo luật định, tại văn bản số 373/UBND-TP ngày 04/3/2021 về việc trả lời xác minh hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã T H, huyện Phú T, tỉnh An Giang cho biết qua tra cứu tàng thư hộ tịch lưu tại xã T H, từ năm 2000 đến nay không tìm thấy giấy đăng ký kết hôn của anh L và chị H. Nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung: chị H và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Sơn đã thành niên, tự đi làm nuôi sống bản thân. Đương sự không có yêu cầu giải quyết, cháu Sơn cũng xác nhận đang đi làm nuôi mẹ. Nên không xem xét.

[5] Về chia tài sản: không có.

[7] Về nợ chung: ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị H và anh L thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: chị H và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Sơn, sinh năm 2001 đã thành niên, tự đi làm nuôi sống bản thân. Đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên không đề cập.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị H và anh L thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị H phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001796 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.

5. Chị Nguyễn Thị Kim H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Chi cục THADS H. Phú T;
- UBND xã T H ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim P

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn T

Nguyễn Thị Mỹ Th

Hồ Thị Kim P